

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 -12 -2021.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hương Giang và bà Nguyễn Thị Thúy;

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 01-10-2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST - HNGĐ ngày 14-12-2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983;

Bị đơn: anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1979;

ĐKKH và cư trú: thôn KĐ, xã CH, huyện CG, tỉnh HD.

Người làm chứng:

-. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1957; trú tại: thôn KĐ, xã CH, huyện CG, tỉnh HD.

-. Bà Cao Thị D, sinh năm 1961; trú tại: thôn 3 xã ĐS, huyện CG, tỉnh HD.

Tại phiên tòa có mặt chị T; vắng mặt anh H, bà Th, bà D (bà D có đơn xin vắng mặt).

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn Đức H tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã CH, huyện CG vào ngày 05-01-2002. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng gia đình chồng tại thôn KĐ, xã CH đến năm 2018 xảy ra

mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng tính cách; anh H chơi bời, vương vào tệ nạn trộm cắp, cờ bạc, không tu chí làm ăn; anh H có quan hệ với người phụ nữ khác làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình; chị đã cho nhiều cơ hội nhưng anh H vẫn không thay đổi. Anh H thường xuyên đi lang thang, thỉnh thoảng về nhà rồi lại đi luôn, không quan tâm gia đình, vợ con; một mình chị phải lo gánh vác công việc quá mệt mỏi. Chị xác định không còn tình cảm với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Nguyễn Thị QT, sinh ngày 23-10-2002; Nguyễn thị PN, sinh ngày 11-9-2006 và Nguyễn ĐT, sinh ngày 05-11-2013. Cháu QT đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu N và ĐT; không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: Giấy chứng nhận kết hôn bản gốc; bản sao giấy khai sinh của cháu QT, Nga và ĐT; bản sao sổ hộ khẩu gia đình; bản sao kê lương từ ngày 04/8/ 2021 đến ngày 15/12/2021.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa để hướng dẫn viết bản tự khai, lấy lời khai; thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; thông báo quan điểm của nguyên đơn cho anh H thông qua bà Trần Thị Th (mẹ đẻ anh H); bà Th xác nhận không giao được trực tiếp các giấy tờ nhưng bằng điện thoại bà liên lạc với anh H, có lần anh H chủ động gọi cho bà và bà đã thông báo về nội dung các giấy tờ trên cho anh H nhưng anh H đều vắng mặt tại Tòa. Tòa án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Tại các biên bản lấy lời khai, bà Trần Thị Th (mẹ đẻ anh H) xác nhận: thời gian đầu anh H chị T sống hạnh phúc, sau đó cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn, một phần do anh H ham chơi, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mấy năm nay anh H làm ăn khó khăn nên không có điều kiện quan tâm mẹ con chị T. Bà cũng nghe dư luận nói anh H có người phụ nữ khác; có 1-2 lần anh H đưa người phụ nữ về thăm vợ chồng bà rồi lại đi ngay, bà hỏi thì anh H nói bạn làm ăn, còn hai người có tình cảm với nhau, ăn ở chung với nhau hay không thì bà không biết. Bà cũng thương chị T vất vả trong nhiều năm nay, 1 mình nuôi các con, bà khuyên anh H nhiều nhưng anh H không về với mẹ con chị T. Có lần bà thông tin nội dung văn bản của Tòa gửi cho anh H thì anh H nói: việc nhà con xin ly hôn thì kệ nó con không bỏ, con không về thì Tòa án cũng giải quyết được. Bà khuyên anh H đến Tòa án giải quyết cho xong còn việc anh H có đến Tòa án hay

không bà không biết. Về con chung: anh H nhất trí để các con ở với mẹ; về tài sản chung, nợ chung anh H cũng không yêu cầu giải quyết. Bây giờ sắp tết, bà mong Tòa dừng vụ án chờ xem anh H có về với mẹ con chị T không, nếu tết này anh H vẫn không về với mẹ con chị T thì sang năm 2022 Tòa án giải quyết ly hôn vẫn chưa muộn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01-11-2021; bà Cao Thị D(mẹ đẻ chị T) trình bày: sau khi cưới, anh H chị T sống cùng bố mẹ chồng được hơn 1 năm thì ra ăn ở riêng tại khu vượt lập. Thời gian đầu anh chị ấy hạnh phúc; sau đó thấy chị T hay than phiền anh H chơi bời, cờ bạc về gây sự với vợ, bỏ mặc gia đình. Từ ngày anh H bỏ việc Công ty đi làm ngoài không về với mẹ con chị T. Anh H đang sống với người phụ nữ khác, chỉ thỉnh thoảng về thăm bố mẹ đẻ rồi lại đi ngay, không quan tâm vợ con. Suốt 3-4 năm nay một mình chị T nuôi con, anh H không có trách nhiệm gì, mỗi người sống 1 nơi. Nay anh H biết việc chị T xin ly hôn nhưng không đến Tòa giải quyết, cố tình gây khó khăn cho chị T.

Tại Biên bản xác minh, Chính quyền địa phương UBND xã CH cung cấp: anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị T có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã CH vào ngày 05-01-2002 thể hiện tại quyển sổ số 01/2002. Anh H là người chơi bời, cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Thông qua dư luận trong thôn mọi người nói anh H đã ăn ở với người phụ nữ khác, có đưa người phụ nữ đó về thăm bố mẹ rồi đi ngay, không về với mẹ con chị T. Hiện nay anh H chị T không còn chung sống 1 nhà, không còn quan tâm nhau. Anh chị có 3 con chung đều ở với chị T, anh H không có trách nhiệm gì. Anh H hiện nay ở thôn Ngọc Lâu, cố tình tránh mặt, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật; giải quyết về con chung sao cho đảm bảo quyền lợi và ổn định sinh hoạt, học tập của các cháu.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn; nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

- Quan hệ hôn nhân: cho chị T ly hôn anh H;

- Về con chung: giao 2 con chung Nguyễn thị PN, sinh ngày 11-9-2006 và Nguyễn ĐT, sinh ngày 05-11-2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Chấp nhận việc chị T tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

- Án phí: chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết ly hôn anh Nguyễn Đức H đang cư trú tại xã CH, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Người tham gia tố tụng: anh H là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2; căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

Quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CH, huyện Cẩm Giàng vào ngày 05-01-2002, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị T, anh H chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, anh H đã không chung sống với chị T 3-4 năm nay, không còn quan tâm thương yêu chị T; bỏ mặc gia đình. Việc anh H một vài lần đưa người phụ nữ khác về thăm bố mẹ đẻ cũng là nguyên nhân làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Anh H nói với bà Th là không bỏ vợ, nhưng anh H biết việc Tòa án thụ lý đơn khởi kiện ly hôn, biết việc Tòa án đến gia đình làm việc nhưng cố tình lẩn tránh không đến Tòa án làm việc đưa ra quan điểm ý kiến của mình; như vậy là anh H không có sự thiện chí níu kéo cuộc hôn nhân này. Xác định không còn biện pháp nào để khắc phục được tình trạng mâu thuẫn và ly thân của vợ chồng hiện nay. Nhận thấy mục

đích hôn nhân của chị T anh H không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại; chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan hệ con chung: chị T và anh H có 03 con chung là Nguyễn Thị QT, sinh ngày 23-10-2002; Nguyễn thị PN, sinh ngày 11-9-2006 và Nguyễn ĐT, sinh ngày 05-11-2013. Hiện nay cháu QT trưởng thành đã đi làm Công ty tự lo cuộc sống không còn phụ thuộc vợ chồng, chị không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết. Từ khi chị T anh H sống ly thân cháu PN và ĐT vẫn ở cùng chị. Xét thấy hiện nay anh H không có nghề nghiệp nhu nhập ổn định, thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên việc giao con chung cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn là không phù hợp. Quá trình làm việc với gia đình anh H, bà Th thông báo lại ý kiến của anh H nhất trí để chị T nuôi các con. Trong khi chị T là người đang trực tiếp nuôi con, chị làm công nhân ở Công ty TNHH Ngọc Hưng, có thu nhập bình quân từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng và có nơi ở ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con phát triển tốt về mọi mặt. Việc chị T xin được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng các con chung trong điều kiện như hiện nay đáp ứng được nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của các con chung sau ly hôn, HĐXX giao cháu PN và ĐT cho chị T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con thành niên hoặc khi chị T và anh H có yêu cầu khác;

Xét việc chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện, không trái đạo đức, xã hội; HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: chị T không yêu cầu giải quyết. Anh H biết việc Tòa án thu thập chứng để giải quyết các quan hệ trong hôn nhân của anh chị nhưng cũng không có ý kiến, được coi là không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không phải giải quyết;

[3] Về án phí: chị T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Đức H.

Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn thị PN, sinh ngày 11-9-2006 và Nguyễn ĐT, sinh ngày 05-11-2013 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn đến khi con chung thành niên hoặc khi chị T, anh H có yêu cầu khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

Về án phí: chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2020/0002008 ngày 01-10-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Về quyền kháng cáo: chị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng
- Dương sự;
- UBND xã CH ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thúy